

Bản án số: 17/2022/HS-PT

Ngày: 02 - 3 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Quý Chi

Các Thẩm phán:

Ông Bùi Văn Bình

Ông Phạm Tiến Hiệp

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Phương Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Chuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 111/2021/HS-PT, ngày 02/12/2021 đối với bị cáo Lê Hữu T do có kháng cáo của bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 66/2021/HS-ST ngày 29/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện L1 N, tỉnh Bình Phước.

Bị cáo:

Họ và tên: Lê Hữu T (tên gọi khác: T1); giới tính: Nam; sinh năm: 1970 tại Đồng Nai; nơi cư trú: Ấp 1, xã L Th, huyện L1 N, Bình Phước; quốc tịch: Việt Nam, dân tộc: Kinh, tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 6/12. Cha: Lê Hữu T2, sinh năm 1920 (đã chết). Mẹ: Phan Thị H, sinh năm 1930 (đã chết). Bị cáo có 10 anh, chị em. Lớn nhất sinh năm 1952, nhỏ nhất sinh năm 1975. Vợ: Phạm Hoài Th1, sinh năm: 1967. Có 02 người con, lớn sinh năm 1994, nhỏ sinh năm 2004.

Tiền án: không; tiền sự: Không.

Bị cáo Lê Hữu T bị áp dụng biện pháp ngăn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 19/4/2021 cho đến nay và có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp của bị hại :

Anh Trịnh Kim D, sinh năm 1995, HKTT: khu phố N1 Th, thị trấn L1 N, huyện L1 N, tỉnh Bình Phước – Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 08/4/2020, Lê Hữu T gặp Trịnh Kim L3 tại khu phố N Ph, thị trấn L1 N, huyện L1 N, do có mối quan hệ bạn bè nên T rủ L3 cùng làm chung công việc chở nước uống đi giao bằng xe ba bánh, được L3 đồng ý. Sau đó, T và L3 cùng đến cơ sở sản xuất nước uống tinh khiết Th2 L2 tại thị trấn L1 N, huyện L1 N để đi làm. Khi đến, phía sau thùng xe ba bánh biển số 63H5 – 2989 của T đã được để sẵn 50 bình nước (Loại nước tinh khiết 21 lít/bình) nên L3 ngồi lên xe điều khiển, còn T ngồi kế bên. Cả hai cùng đi giao 25 bình nước cho cửa hàng Ng Ch tại khu phố N Th, thị trấn L1 N và nhận lại 25 vỏ bình nước. Lúc này, L3 mệt nên nói T điều khiển xe, còn L3 ngồi kế bên tay trái của T. T điều khiển xe chạy trên đường 3 tháng 2 hướng ra đường N Tr L để tiếp tục đi giao nước. Khi đến đoạn đường giao nhau giữa đường 3 tháng 2 và đường N Tr L, T điều khiển xe chuyển hướng rẽ phải ra đường N Tr L nhưng đã không làm chủ được tay lái, tốc độ dẫn đến đi không đúng phần đường và làm cho xe ba bánh bị lật ngang gây tai nạn. Hậu quả, anh Trịnh Kim L3 bị thương nặng được đưa đi cấp cứu và tử vong (BL 30-32, 61-63, 72, 131-138).

Căn cứ biên bản khám nghiệm hiện trường của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L1 N, hiện trường để lại những dấu vết như sau (BL 30 – 32):

1. Hiện trường của đoạn đường nơi xảy ra tai nạn:

Đường Nơ Trang Long là đường hai chiều không có giải phân cách, không có vạch sơn kẻ đường phân chia mặt đường thành hai chiều xe chạy riêng biệt, mặt đường rộng 9m trải nhựa bằng phẳng dốc xuống theo hướng đường Ng T Th đi đường L Th T, không có biển báo hiệu giao thông đường bộ, cách hiện trường vụ tai nạn giao thông 14,7m hướng đi đường Ng T Th là nơi giao nhau về bên trái với đường 3 tháng 2 rộng 9m.

2. Ghi nhận việc đánh số thứ tự theo số tự nhiên vị trí nạn nhân, phương tiện, tang vật, dấu vết: (1) chiếc dép trái; (2) chiếc dép phải; (3) vết cà 1; (4) vết cà 2; (5) biển báo hiệu giao thông đường bộ số: 208 (giao nhau với đường ưu tiên); (6) trụ điện số 01.

3. Xác định điểm mốc và một trong các mép đường nơi xảy ra tai nạn làm chuẩn:

- Lấy trụ điện số 01 làm điểm mốc, lấy mép đường nhựa bên phải đường N Tr L theo hướng đường Ng T Th đi đường L Th T làm mép đường chuẩn.

4. Mô tả theo số thứ tự:

- (1) Chiếc dép trái: Nằm trên lề cỏ bên trái đường N Tr L theo hướng từ đường Ng T Th đi đường L Th T từ tâm chiếc dép trái đo đến mép đường chuẩn là 9,8m.

- (2) Chiếc dép phải: Nằm trên lề cỏ bên trái đường N Tr L theo hướng từ đường Ng T Th đi đường L Th T, từ tâm chiếc dép phải đo đến mép đường chuẩn là 10m. Từ tâm chiếc dép phải đo đến tâm chiếc dép trái là 1,9m.

- (3) Vết cà 1: dài 3,4m, từ đầu vết cà 1 đo đến mép đường chuẩn là 6,6m, từ đầu vết cà 1 đo đến tâm mặt đường nhựa đường 3 tháng 2 giao nhau với đường N Tr L là 14,7m.

- (4) Vết cà 2: dài 1,9m, từ đầu vết cà 2 đo đến mép đường chuẩn là 6,5m, từ đuôi vết cà 2 đo đến mép đường chuẩn là 7,3m, từ đầu vết cà 2 đo đến đầu vết cà 1 là 2,6m, từ đuôi vết cà 2 đo đến tâm chiếc dép phải là 3,3m.

- (5) Biển báo hiệu giao thông đường bộ số: 208 (giao nhau với đường ưu tiên), bên phải đường 3 tháng 2 theo hướng đi đường N Tr L, từ biển báo hiệu giao thông đường bộ số 208 (giao nhau với đường ưu tiên) đo đến tâm mặt đường nhựa đường 3 tháng 2 giao nhau với đường N Tr L là 45,9m.

- (6) Trụ điện số 01: từ trụ điện số 01 đo đến đầu vết cà 1 là 22,6m.

* Kết quả khám nghiệm phương tiện xác định:

1. Xe mô tô 3 bánh biển số 63H5 - 2989

a. Dấu vết trên phương tiện:

- Thân bát ở trên bên trái phía trước thùng xe bị trầy xước kim loại và dính lớp nhựa màu đen kích thước (3 x 5)cm.

- Đầu lò xo thân bát ở trên bên trái phía trước thùng xe bị trầy xước kim loại và dính lớp nhựa màu đen kích thước (3 x 2)cm.

- Thân bát ở dưới bên trái phía trước bị cong, trầy xước kim loại kích thước (8 x 5)cm.

- Thân khung thành xe góc trái phía trước bị cong từ ngoài vào trong và bị trầy xước kim loại kích thước (18 x 24)cm.

- Hộp đựng đồ phía trước bên trái thùng xe bị thủng, móp biến dạng kích thước (35 x 25)cm.

b. Kỹ thuật an toàn phương tiện:

- Hệ thống lái có tác dụng.

- Hệ thống phanh tay không có.

- Hệ thống phanh sau có tác dụng.

- Hệ thống đèn tín hiệu phía trước có tác dụng.

- Hệ thống đèn tín hiệu phía sau không có tác dụng.

- Hệ thống đèn chiếu sáng không có tác dụng.

Căn cứ bản kết luận giám định pháp y số: 98/2020/GĐPY ngày 13/4/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước kết luận: Trịnh Kim L3 bị chấn thương ngực bụng kín, gãy đa xương sườn, giập rách phổi dẫn đến tử vong (BL 50 – 51).

Căn cứ biên bản kiểm tra nồng độ cồn ngày 08/4/2020 của Đội cảnh sát giao thông Công an huyện L1 N đối với Lê Hữu T kết quả đo nồng độ cồn là: 0,00mg/lít khí thở (BL 19-20).

Căn cứ báo cáo kết quả giám định dung tích xi lanh và an toàn kỹ thuật của xe mô tô 03 bánh màu xanh, biển số 63H5 - 2989 xác định: Thông số kỹ thuật cơ bản của xe 63H5 - 2989 qua kiểm tra thực tế như sau:

- Số máy: 162MK-2*1G005414*
- Số khung: HKZ005414
- Kích thước bao: Dài x Rộng x Cao: 3400 x 1380 x 1620 mm.
- Kích thước lồng thùng hàng: Dài x Rộng x Cao: 1930 x 1220 x 700 mm.
- Lốp trước: 1 lốp, cỡ 4.50-12, vẫn còn tốt.
- Lốp sau: 2 lốp, cỡ 5.00-12, vẫn còn tốt.
- Càng lái còn nguyên vẹn, vẫn điều khiển được.
- Hệ thống phanh chân: Cơ khí, các chi tiết còn đủ, chưa hư hỏng. Hiệu quả phanh: 2 bánh sau có hiệu lực.
- Phanh đỗ: Cơ khí, còn đủ, không có hiệu lực.
- Động cơ: Nhãn hiệu YINXIANG.
- Dung tích xi-lanh (đo thực tế): 174,4cm³ (đường kính xi lanh 61,8mm; hành trình piston 58,2mm).

Kết luận: Hiện tại, căn cứ Nghị quyết số 05/2008/NQ-CP ngày 04/02/2008 của Chính phủ và Công văn số 1762/BGTVT-VT ngày 24/3/2008 của Bộ Giao thông vận tải về việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới ba bánh quy định việc “Ngừng việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường các loại xe cơ giới ba bánh kể từ ngày 1/5/2008 (trừ các loại xe cơ giới dùng làm phương tiện đi lại cho thương binh, người tàn tật)”.

Vì vậy, xe gắn máy ba bánh 63H5 - 2989 không có trong danh mục được kiểm định nên không có tiêu chuẩn để so sánh, kết luận.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ: 01 xe mô tô 03 bánh màu xanh, biển số 63H5 – 2989; 01 áo sơ mi tay ngắn, màu nâu nhạt và 01 quần vải dài, màu xám nhạt. Cơ quan điều tra đã tiến hành trích xuất hệ thống camera an ninh của Công an thị trấn L1 N thu giữ 05 đoạn video có chứa hình ảnh vụ việc tai nạn giao thông của bị cáo Lê Hữu T và niêm phong trong 01 USB màu đỏ.

Qua tra cứu và trưng cầu giám định xác định được: Xe mô tô ba bánh là loại xe lắp ráp, không có giấy chứng nhận đăng ký xe, số khung không có, biển số 63H5 – 2989 gắn với xe là của xe mô tô Wave S do ông Trịnh Minh P ngụ tại số 186, khu 3, thị trấn C G, huyện C G, tỉnh Tiền Giang là chủ sở hữu.

Căn cứ bản kết luận giám định số: 33/2021/GĐ-KTS ngày 07/5/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước kết luận: Vận tốc của xe mô tô 03 bánh màu xanh, biển số 63H5 - 2989 ở thời điểm 00 phút 09 giây trong tập tin video gửi giám định là từ 25km/h đến 28km/h (BL 72).

Ngày 13/7/2020, Sở giao thông vận tải tỉnh Bình Phước có công văn trả lời về việc: Người điều khiển xe mô tô ba bánh phải có giấy phép lái xe hạng A3 và chưa có trường hợp nào cấp giấy phép lái xe hạng A3 Lê Hữu T.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Lê Hữu T đã bồi thường cho đại diện hợp pháp của bị hại là anh Trịnh Kim D số tiền 20.000.000 đồng, anh D đã nhận tiền và không yêu cầu gì khác nên trách nhiệm dân sự không đặt ra.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 66/2021/HSST ngày 29 tháng 10 năm 2021 Tòa án nhân dân huyện L1 N, tỉnh Bình Phước đã quyết định:

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 260; Các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Lê Hữu T phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”. Xử phạt bị cáo Lê Hữu T 24 (Hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 01/11/2021, bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 12/11/2021, người đại diện của bị hại đồng thời là đại diện theo ủy quyền của những người đại diện hợp pháp cho bị hại kháng cáo xin Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét cho bị cáo Lê Hữu T được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo T và anh D giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong thời hạn luật định, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại các điều 331, 332 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Hữu T thừa nhận hành vi phạm tội như Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm xác định. Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo Lê Hữu T phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo và của người đại diện hợp pháp của bị hại, thấy rằng:

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ như: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã bồi thường cho người đại diện hợp pháp của người bị hại số tiền 20.000.000 đồng để khắc phục hậu quả, gia đình bị hại không yêu cầu bồi thường và có đơn bãi nại cho bị cáo, được đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương - đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; đồng thời Tòa cấp sơ thẩm áp dụng Điều 54 xử phạt bị cáo mức hình phạt 24 tháng tù là phù hợp.

Xét thấy, tại phiên cấp phúc thẩm cả bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại đều xác nhận sau khi xét xử sơ thẩm, mặc dù gia đình bị hại thấy hoàn cảnh bị cáo khó khăn nên không yêu cầu nhưng bị cáo vẫn tự nguyện bồi thường thêm cho gia đình bị hại số tiền 30.000.000 đồng; người đại diện hợp pháp của bị hại có nguyện vọng tha thiết mong Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo, vì cho rằng: bị cáo và bị hại là bạn lâu năm, cùng làm thuê chung, sự việc xảy ra là rủi ro ngoài ý muốn, bị cáo là lao động chính trong gia đình, nếu bị cáo đi tù thì hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng, bị cáo có nhân thân tốt; có 3 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; có nơi cư trú rõ ràng; bị cáo có khả năng tự cải tạo không cần bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù, đủ điều kiện cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại, giữ nguyên mức hình phạt 24 tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo với thời gian thử thách 48 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa phúc thẩm không được chấp nhận.

[5] Án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Hữu T (tên gọi khác: Tình) và kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại là anh Trịnh Kim D.

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 66/2021/HS-ST ngày 29/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện L1 N, tỉnh Bình Phước về hình phạt đối với bị cáo Lê Hữu T.

1. Tuyên bố bị cáo Lê Hữu T (tên gọi khác: T1) phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”.

2. Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 260; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38, Điều 65 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo;

Xử phạt bị cáo Lê Hữu T (tên gọi khác: T1) 24 (hai mươi bốn) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo; thời gian thử thách là 48 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã L Th, huyện L1 N, tỉnh Bình Phước quản lý, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo; trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo Lê Hữu T không phải chịu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- PV 06 Công an tỉnh Bình Phước;
- TAND, VKSND, CQCSĐT L1 N;
- Chi cục THADS huyện L1 N;
- CQTHAHS huyện L1 N;
- **CQĐT huyện L1 N;**
- **UBND xã L Th, huyện L1 N;**
- Bị cáo;
- **Người đại diện hợp pháp của bị hại;**
- Sở Tư pháp BP;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Quý Chi